

Bản án số: 94/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-10-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và ông Phạm Văn Trương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021, Thông báo thay đổi lịch xét xử số 69/TB-TAH ngày 12 tháng 7 năm 2021, số 70/TB-TAH ngày 02 tháng 8 năm 2021, số 71/TB-TAH ngày 16 tháng 8 năm 2021, số 417/TB-TAH ngày 01 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2021 và số 61/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Yến L** – sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ x, Khu y, thị trấn T.T, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ z, ấp 1, xã P.T, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã P.T, huyện Tân Phú. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên có xảy ra cãi nhau, bản thân anh T không lo làm ăn mà thường nhậu nhẹt rồi kiếm chuyện gây sự với chị, không quan tâm đến gia đình, vì vậy đã không còn chung sống từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn đối với anh.

- Về nuôi con: Anh chị có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Minh L – sinh ngày 29/8/2013 và Nguyễn Ngọc Anh Th – sinh ngày 14/4/2011. Chị yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, tạm thời chưa yêu cầu anh phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, cự cãi do không hòa hợp, đồng thời anh chị phải thường đi làm nên ít quan tâm lẫn nhau, vì vậy vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 9/2020 đến nay. Anh thấy tình cảm vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng do chị L cương quyết ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con: Anh chị có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Minh L – sinh ngày 29/8/2013 và Nguyễn Ngọc Anh Th – sinh ngày 14/4/2011. Anh thừa nhận các con chung từ năm 2020 do chị L nuôi dưỡng, đến tháng 5/2021 thì các cháu đang ở cùng với chị L cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Anh đồng ý giao cháu Luân cho chị L nuôi dưỡng, anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu Thư, tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Anh T trình bày anh và chị L không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Về hôn nhân: Cho chị L được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi các con chung, tạm thời anh T chưa phải cấp dưỡng cho con do chị L chưa yêu cầu. Về tài sản: Các đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết tại vụ án khác. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại xã P.T, huyện Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Nguyễn Thị Yến L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh T, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự chị L là nguyên đơn và anh T là bị đơn, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bà Nguyễn Thị Son – sinh năm 1963 (Địa chỉ: Tổ 12, ấp 1, xã P.T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; là mẹ ruột anh T) có đơn yêu cầu độc lập với nội dung chị Nguyễn Thị Yến L có trách nhiệm trả số tiền vay nợ riêng của chị L đối với bà Son: Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh T thừa nhận việc bà Son khởi kiện yêu cầu độc lập với nội dung thực hiện nghĩa vụ riêng về tài sản chứ không phải nợ chung của vợ chồng các đương sự, nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tại vụ án khác. Tòa án có ban hành Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện số 126/TB-TA ngày 04/5/2021 nhưng bà Son không thực hiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Tòa án, vì vậy Tòa án đã ban hành Thông báo trả lại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập số 249/TB-TA ngày 14/6/2021 cho bà Son. Trường hợp bà Son có yêu cầu khởi kiện thì bà được quyền khởi kiện tại vụ án khác theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đưa vào tham gia tư cách tố tụng trong vụ án.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên hòa giải nhưng có đơn giải quyết vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.T, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 14/5/2010. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Các đương sự đều thừa nhận trình bày có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, sau đó đã không còn chung sống từ tháng 9/2020. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành giải thích quy định của pháp luật, đã vận động nhưng chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh T cho rằng vẫn còn tình cảm tuy nhiên do chị L cương quyết nên anh đồng ý ly hôn; đồng thời không tiến hành hòa giải được nên hòa giải đoàn tụ không thành. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của các đương sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị L và anh T đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Chị L yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi các con chung là Nguyễn Minh L – sinh ngày 29/8/2013 và Nguyễn Ngọc Anh Th – sinh ngày 14/4/2011, tạm thời chưa yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Anh T đồng ý giao cháu L cho chị L nuôi dưỡng, anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu Th, tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Từ sau khi anh chị không còn chung sống, các con chung đang do chị L nuôi dưỡng tại nơi chị L cư trú (Tổ x, Khu y, thị trấn T.T, huyện T.P), đến tháng 5/2021 thì các con chung đã chuyển đến Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cùng với chị L. Bản thân chị L trình bày có nghề nghiệp là chủ tiệm làm tóc tại Thành phố Hồ Chí Minh với thu nhập ổn định khoảng trên 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)/tháng, cuộc sống kinh tế đủ khả năng nuôi dưỡng các con chung; anh T trình bày có nghề nghiệp làm thuê, làm rẫy tại nơi cư trú với thu nhập khoảng 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)/tháng, đủ khả năng nuôi dưỡng cháu Th.

Xét thấy các đương sự đồng ý, thỏa thuận chị L nuôi dưỡng cháu Luân nhưng đối với cháu Th thì các bên đều có nguyện vọng, yêu cầu nuôi dưỡng; tuy nhiên từ khi các đương sự không còn chung sống thì các con chung đều do chị L nuôi dưỡng cho đến nay, đồng thời đối với cháu Th có giới tính nữ, là con chung đủ 07 (bảy) tuổi trở lên có nguyện vọng muốn tiếp tục ở với chị L. Do đó, việc chị L tiếp tục nuôi các con chung là hoàn toàn đảm bảo và phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về tài sản: Các đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết tại vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Yến L.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Yến L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Yến L trực tiếp nuôi các con chung là Nguyễn Minh L – sinh ngày 29/8/2013 và Nguyễn Ngọc Anh Th – sinh ngày 14/4/2011, tạm thời anh T chưa phải cấp dưỡng cho con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Yến L và anh Nguyễn Văn T trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, khi nào các bên có tranh chấp sẽ giải quyết tại vụ án khác.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004091 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã P.T, huyện Tân Phú (Số 35, ngày 14/5/2010) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng